

Bản án số: 113/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hồng Đăng

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969

Căn cước công dân số 075069002830 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2021.

Nơi cư trú: Số nhà B, tổ A, ấp A, xã Đ (xã P, huyện N), tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973

Căn cước công dân số 079173026875 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021.

Nơi cư trú: ấp B, xã B (xã B, huyện C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số nhà B, tổ A, ấp A, xã Đ (xã P, huyện N), tỉnh Đồng Nai.

(Ông T và bà G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2025 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị G xây dựng gia đình với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/2003. Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà G. Nguyên nhân ông T yêu cầu ly hôn là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Về con chung: Ông T và bà G có 02 con chung là chị Nguyễn Thị Kiều O và chị Nguyễn Thị Kim Y. Chị O và chị Y đã thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình nên ông T không có yêu cầu về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G vắng mặt, không đến Tòa án cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà G. Về con chung: đã thành niên nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị G có nơi tạm trú tại số B, tổ A, ấp A, xã Đ (xã P, huyện N), tỉnh Đồng Nai; đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị G xây dựng gia đình với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/12/2003, việc kết hôn do cả hai đều tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Ông T xin ly hôn với bà G với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Xét thấy, qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Đồng Nai thể hiện địa phương không xác định được nguyên nhân tranh chấp ly hôn giữa

bà G và ông T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà G và ông T biết để đến Tòa tham gia tố tụng, cung cấp chứng cứ và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà G vẫn không đến Tòa mà không có lý do nên Tòa án không thể hòa giải cho vợ chồng ông T và bà G đoàn tụ. Qua ý kiến của ông T thể hiện ông T và bà G chung sống không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, xử cho ông T được ly hôn với bà G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Ông T và bà G có 02 người con chung đã thành niên nên các đương sự không có yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Đồng Nai về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 và Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị G.

Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

Về nuôi con chung: không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0023400 ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Ông T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2- Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Lâm